

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TƯ NGHĨA  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày: 31-3-2021

V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Na Na

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Bốn

2. Bà Ngô Thị Mai Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2021/QĐST-DS ngày 15/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện L;

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm D - Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện L;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh N - Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện L, Chi nhánh D - Văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/06/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện L.

Địa chỉ: 01 A, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi,

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Xóm , thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Võ Thị Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 28/9/2020 và quá trình giải quyết vụ án; ông Lê Thanh N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Bưu điện L (viết tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Bà Võ Thị Mỹ H được Ngân hàng TMCP Bưu điện L, chi nhánh D cấp 02 khoản tín dụng với số tiền là 150.000.000 đồng và 50.000.000 đồng, chi tiết như sau:

Ngày 26/05/2018, bà Võ Thị Mỹ H được Ngân hàng TMCP Bưu điện L, chi nhánh D cấp tín dụng với số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn) theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HDTD4012018231 ngày 26/05/2018. Số tiền đã nhận nợ: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn). Mục đích vay: Tiêu dùng. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ tiếp theo của ngày nhận nợ đầu tiên. Kỳ hạn trả gốc: Nợ gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng, trả trong vòng 36 tháng. Số tiền phải trả hàng tháng từ tháng thứ 01 đến tháng thứ 35 là 1.390.000 đồng, số tiền phải trả tháng thứ 35 là 1.350.000 đồng. Kỳ hạn trả lãi: Lãi tính theo dư nợ gốc thực tế và được trả hàng tháng cùng với ngày trả nợ gốc. Lãi suất cho vay trong hạn hiện tại: 14.10%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (Ngày chuyển nợ quá hạn là 05/09/2019 và lãi suất áp dụng theo khoản 2.4 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ). Đối với dư nợ gốc không trả nợ đúng hạn thì Ngân hàng thu lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (quy định tại khoản 2.4 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ). Tài sản bảo đảm cho khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Ngày 28/06/2018, bà Võ Thị Mỹ H được Ngân hàng TMCP Bưu điện L, chi nhánh D cấp tín dụng với số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn) theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HDTD4012018371 ngày 28/06/2018. Số tiền đã nhận nợ: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Mục đích vay: Tiêu dùng. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ tiếp theo của ngày nhận nợ đầu tiên. Kỳ hạn trả gốc: Nợ gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng, trả trong vòng 60 tháng. Số tiền phải trả hàng tháng từ tháng thứ 01 đến tháng thứ 60 là 2.500.000 đồng. Kỳ hạn trả lãi: Lãi tính theo dư nợ gốc thực tế và được trả hàng tháng cùng với ngày trả nợ gốc. Lãi suất cho vay trong hạn hiện tại: 12.15%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (Ngày chuyển nợ quá hạn là 05/07/2019 và lãi suất áp dụng theo khoản 2.4 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ). Đối với dư nợ gốc không trả nợ đúng hạn thì Ngân hàng thu lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (quy định tại khoản 2.4 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ). Tài sản bảo đảm cho khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Sau khi các Hợp đồng được ký kết, bà Võ Thị Mỹ H đã nhận đủ tiền vay theo các hợp đồng tín dụng nêu trên. Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ vay bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết tại các hợp

đồng. Từ khi vay cho đến nay, bà Võ Thị Mỹ H đã trả cho Ngân hàng được tổng số tiền:

Đối với Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD4012018231 ngày 26/05/2018 bà Võ Thị Mỹ H đã trả tổng cộng: 26.859.660 đồng (trong đó tiền gốc đã trả 20.168.679 đồng; tiền lãi đã trả 6.690.981 đồng).

Đối với Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD4012018371 ngày 28/06/2018 bà Võ Thị Mỹ H đã trả tổng cộng: 42.072.192 đồng (trong đó tiền gốc đã trả 27.500.000 đồng; tiền lãi đã trả 14.572.192 đồng).

Bà Võ Thị Mỹ H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 4 tại các Hợp đồng HDTD4012018231 ngày 26/05/2018 và Hợp đồng tín dụng số HDTD4012018371 ngày 28/06/2018, nên toàn bộ khoản vay của bà H chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 05/09/2019 đối với Hợp đồng tín dụng ngày 26/05/2018 và kể từ ngày 05/7/2019 đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD4012018371 ngày 28/06/2018. Tính đến ngày 31/3/2021, bà Võ Thị Mỹ H còn nợ Ngân hàng tại các Hợp đồng tín dụng số HDTD4012018231 ngày 26/05/2018 và Hợp đồng tín dụng số HDTD4012018371 ngày 28/06/2018 với tổng số tiền: 192.433.344 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm bốn mươi bốn đồng); trong đó nợ gốc 152.331.321 đồng; nợ lãi quá hạn: 25.554.962 đồng; nợ lãi trong hạn 141.166 đồng; lãi phạt gốc phải trả 14.405.895 đồng.

Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Mỹ H phải trả cho Ngân hàng số nợ trên, đồng thời yêu cầu bà H phải trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cho đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng.

*\* Đối với bị đơn bà Võ Thị Mỹ H:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Võ Thị Mỹ H, nhưng bà Võ Thị Mỹ H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/3/2021 tại các Hợp đồng tín dụng số HDTD4012018231 ngày 26/05/2018 và Hợp đồng tín dụng số HDTD4012018371 ngày 28/06/2018 với tổng số tiền: 192.433.344 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm bốn mươi bốn đồng); trong đó nợ gốc 152.331.321 đồng; nợ lãi quá hạn: 25.554.962

đồng; nợ lãi trong hạn 141.166 đồng; lãi phạt gốc phải trả 14.405.895 đồng. Bà Võ Thị Mỹ H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thực hiện xong các Hợp đồng tín dụng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện L khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Võ Thị Mỹ H. Trong vụ án này bà Võ Thị Mỹ H không có đăng ký kinh doanh, vay tiền nhằm mục đích tiêu dùng và tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì bà Võ Thị Mỹ H có địa chỉ xã N, huyện T. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án dân sự: “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Tại phiên tòa, Nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện L vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị Mỹ H đã thay đổi nơi cư trú, không còn cư trú tại xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, nhưng lại không thông báo cho Ngân hàng biết là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Võ Thị Mỹ H tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà Võ Thị Mỹ H đã vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1; 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

##### **[2.1] Về yêu cầu trả nợ của nguyên đơn:**

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ căn cứ để xác định: Các Hợp đồng tín dụng số HDTD4012018231 ngày 26/05/2018 và Hợp đồng tín dụng số HDTD4012018371 ngày 28/06/2018 giữa Ngân hàng ký kết với bà Võ Thị Mỹ H là hợp pháp, nên có giá trị làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong hợp đồng. Sau khi hợp đồng được ký kết, bà Võ Thị Mỹ H đã nhận đủ số tiền vay là 200.000.000đồng, nhưng sau đó lại vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng đã được ký kết.

Cụ thể: Từ khi vay cho đến nay bà Võ Thị Mỹ H chỉ mới trả cho Ngân hàng tổng số tiền: Đối với Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD4012018231 ngày 26/05/2018 bà Võ Thị Mỹ H đã trả tổng cộng:

26.859.660 đồng (trong đó tiền gốc đã trả 20.168.679 đồng; tiền lãi đã trả 6.690.981 đồng). Đối với Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD4012018371 ngày 28/06/2018 bà Võ Thị Mỹ H đã trả tổng cộng: 42.072.192 đồng (trong đó tiền gốc đã trả 27.500.000 đồng; tiền lãi đã trả 14.572.192 đồng). Thời điểm trả nợ cuối cùng cho Ngân hàng là ngày 03/6/2019, từ đó đến nay bà Võ Thị Mỹ H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, bà Võ Thị Mỹ H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các Điều 4; Điều 7 và Điều 9 tại Hợp đồng tín dụng HDTD4012018371 ngày 28/06/2018 và các Điều 4; Điều 7 và Điều 10 tại Hợp đồng tín dụng số HDTD4012018231 ngày 26/05/2018. Quy định tại mục 7.1 Điều 7 tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD 4012018231 ngày 26/5/2018: *“Khoản vay sẽ bị bên cho vay đơn phương chấm dứt sớm và thu hồi nợ trước hạn trong trường hợp: Bên vay vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng và các văn bản cam kết khác của Bên vay đối với bên cho vay”*. Quy định tại mục 10.3 Điều 10 tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD 4012018231 ngày 26/5/2018: *“Bên cho vay có quyền chấm dứt việc cho vay và thu hồi một phần hoặc toàn bộ vốn vay trước hạn theo nội dung tại khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng này”*.

Vì vậy, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Mỹ H phải trả nợ gốc và lãi, lãi phạt gốc là phù hợp với các Hợp đồng tín dụng đã được ký kết; phù hợp với quy định tại các Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

## [2.2] Về nợ gốc và lãi phải trả:

[2.2.1] Về nợ gốc: Sau khi các Hợp đồng tín dụng được ký kết thì bà Võ Thị Mỹ H đã thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, cụ thể: Đối với Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD4012018231 ngày 26/05/2018, bà Võ Thị Mỹ H đã trả 14 tháng với số tiền là 20.168.679 đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD4012018371 ngày 28/06/2018 bà Võ Thị Mỹ H đã trả 11 tháng với số tiền 27.500.000 đồng. Tổng số tiền gốc bà H đã trả tại các Hợp đồng tín dụng là 47.668.679 đồng. Vì vậy, việc Ngân hàng yêu cầu bà Võ Thị Mỹ H phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc cụ thể:  $(200.000.000 \text{ đồng, nợ gốc vay} - 47.668.679 \text{ đồng, nợ gốc đã trả}) = 152.331.321 \text{ đồng}$  (Một trăm năm mươi hai triệu, ba trăm ba mươi một nghìn, ba trăm hai mươi một đồng), là phù hợp với số tiền gốc đã vay, tiền gốc đã trả và phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.2] Về nợ lãi: Hội đồng xét xử xét thấy, kể từ ngày 03 tháng 6 năm 2019 cho đến nay bà Võ Thị Mỹ H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, ngoài việc phải trả tiền lãi trong hạn thì bà Võ Thị Mỹ H còn phải trả tiền lãi quá hạn và lãi phạt gốc phải trả và các khoản tiền lãi được thực hiện theo mức thỏa thuận quy định tại khoản 2.4 Điều 2 của Hợp đồng.

Cụ thể, tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD4012018231 ngày 26/05/2018, lãi suất trong hạn 14 %/năm (áp dụng

trong ba tháng đầu tiên); Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Tại Hợp đồng tín dụng số HDTD4012018371 ngày 28/06/2018, lãi suất trong hạn: 10.75%/năm (áp dụng cố định trong 03 tháng đầu tiên); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Như vậy, tổng số tiền lãi bà Võ Thị Mỹ H phải trả cho Ngân hàng tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên, tính đến ngày 31/3/2021 là: Lãi trong hạn 141.166 đồng, lãi quá hạn 25.554.962 đồng và lãi phạt gốc 14.405.895 đồng. Tổng số tiền lãi mà bà Võ Thị Mỹ H phải trả cho Ngân hàng là 40.102.023 đồng (Bốn mươi triệu, một trăm lẻ hai nghìn, không trăm hai mươi ba đồng). Xét thấy yêu cầu trả lãi của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại các Điều 466; 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bà Võ Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền  $(152.331.321 \text{ đồng} + 40.102.023 \text{ đồng}) \times 5\% = 9.621.667 \text{ đồng}$  (Chín triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì những lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1; 3 Điều 228; Điều 147, 235, 266, 271 và 273; 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; các Điều 357; 463; 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L. Buộc bà Võ Thị Mỹ H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần bưu điện L tổng số tiền là 192.433.344 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm bốn mươi bốn đồng); trong đó nợ gốc 152.331.321 đồng; nợ lãi quá hạn: 25.554.962 đồng; nợ lãi trong hạn 141.166 đồng; lãi phạt gốc phải trả 14.405.895 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (31/3/2021) cho đến khi thi hành án xong các khoản nợ, bà Võ Thị Mỹ H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận tại các

Hợp đồng tín dụng số HDTD4012018231 ngày 26/05/2018 và Hợp đồng tín dụng số HDTD4012018371 ngày 28/06/2018.

3. Về án phí: Bà Võ Thị Mỹ H phải chịu 9.621.667 đồng (Chín triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.372.070 đồng (Bốn triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0005598 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Na Na**